

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn	Lũy kế giải ngân đến 28/10/2025	Lũy kế giải ngân đến 04/11/2025	Tỷ lệ giải ngân 04/11/2025	Giá trị đã giải ngân từ 28/10/2025 đến 04/11/2025
I	TỔNG CỘNG	36.951.871	13.867.010	14.360.913	38,86%	493.902
1	Sở Tài chính	5.006	5.005	5.005	100%	-
2	Sở Tư pháp	150	136	150	100%	14
3	Báo và Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai	10.824	9.429	9.429	87%	-
4	Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Biên Hòa	181.013	160.522	167.062	92%	6.540
5	Ban QLDA khu vực Bù Đốp	261.259	186.762	186.762	71%	-
6	Ban Quản lý dự án khu vực 01 (Biên Hòa)	727.222	588.914	604.005	83%	15.091
7	Ban Quản lý dự án khu vực 07 (Xuân Lộc)	362.542	301.169	301.169	83%	-
8	Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Bình Long	3.380	1.329	1.329	39%	-
9	Ban Quản lý dự án khu vực 06 (Nhơn Trạch)	1.826.641	1.377.950	1.377.950	75%	-
10	BQLDA khu vực Đồng Phú	530.708	367.246	380.082	72%	12.836
11	Ban Quản lý dự án khu vực 08 (Cẩm Mỹ)	222.336	157.932	159.940	72%	2.008
12	Ban Quản lý dự án khu vực 04 (Thống Nhất)	756.023	524.990	525.037	69%	47
13	Ban QLDA khu vực Phú Riêng	335.002	235.615	235.615	70%	-
14	Ban QLDA khu vực Chơn Thành	283.352	216.503	216.503	76%	-
15	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long	151.070	97.995	100.104	66%	2.109
16	Ban QLDA khu vực Bù Đăng	230.097	157.961	160.618	70%	2.657
17	Ban QLDA khu vực Bù Gia Mập	289.076	176.805	176.805	61%	-
18	Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Định Quán	7.200	4.324	4.324	60%	-
19	Ban QLDA khu vực Bình Long	199.601	133.101	135.666	68%	2.565
20	Ban QLDA khu vực Lộc Ninh	274.403	153.888	156.582	57%	2.694

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn	Lũy kế giải ngân đến 28/10/2025	Lũy kế giải ngân đến 04/11/2025	Tỷ lệ giải ngân 04/11/2025	Giá trị đã giải ngân từ 28/10/2025 đến 04/11/2025
21	Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch	1.068.894	617.886	617.886	58%	-
22	Ban Quản lý dự án khu vực 11 (Tân Phú)	416.084	222.979	225.381	54%	2.402
23	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	56.200	29.869	29.869	53%	-
24	Sở Xây dựng	3.700	1.900	1.900	51%	-
25	Ban QLDA khu vực Hớn Quản	302.708	147.580	148.651	49%	1.071
26	Ban Quản lý dự án khu vực 05 (Long Thành)	1.237.880	613.685	617.299	50%	3.614
27	Ban Quản lý dự án khu vực 09 (Vĩnh Cửu)	553.569	257.393	257.393	46%	-
28	Ban Quản lý dự án khu vực 02 (Long Khánh)	667.375	344.885	345.035	52%	150
29	Sở Nông nghiệp và Môi trường	13.000	5.787	5.787	45%	-
30	Ban QLDA khu vực Đồng Xoài	375.806	161.566	162.770	43%	1.204
31	Ban Quản lý dự án khu vực 03 (Trảng Bom)	839.811	348.514	353.600	42%	5.086
32	Sở Y tế	29.390	11.640	11.640	40%	-
33	Sở Khoa học và Công nghệ	308.400	121.561	121.561	39%	-
34	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	7.151.489	2.811.069	3.074.031	43%	262.962
35	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai	334.712	135.324	135.419	40%	95
36	Ban Quản lý dự án khu vực 10 (Định Quán)	540.949	192.323	192.332	36%	9
37	Công an tỉnh Đồng Nai	911.812	317.649	320.588	35,2%	2.939
38	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai	1.949.265	117.046	117.046	6,0%	0
39	Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai	10.000	6.052	6.163	62%	111
40	Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Cẩm Mỹ	20.328	404	1.805	8,9%	0
41	Sở Công thương	2.343	38	38	1,6%	-
42	Đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước)	8.036.500				

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn	Lũy kế giải ngân đến 28/10/2025	Lũy kế giải ngân đến 04/11/2025	Tỷ lệ giải ngân 04/11/2025	Giá trị đã giải ngân từ 28/10/2025 đến 04/11/2025
43	Dự án: Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1), huyện Long Thành	1.200.000				Mới phân bổ kế hoạch vốn tại QĐ 1630/QĐ-UBND ngày 13/10/2025
44	CÁC DỰ ÁN DO XÃ GIAO CHỈ TIÊU, CẤP SAU QUYẾT TOÁN, VỐN CTMTQG,..	1.399.196	1.078.000	1.126.254		
45	HOÀN TRẢ VỐN TẠM ỨNG	1.583.000	1.583.000	1.583.000		